

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL TRADING AND FINANCE INVEST GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRADING AND FINANCE INVEST GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109444067

3. Ngày thành lập: 07/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Hải Bối, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư; (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619(Chính)
2.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
3.	Đại lý du lịch	7911
4.	Điều hành tua du lịch	7912
5.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
6.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
7.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
8.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
9.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
10.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
11.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
12.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
13.	Khai thác và thu gom than non	0520
14.	Khai thác quặng sắt	0710
15.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
16.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
17.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
18.	In ấn	1811
19.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

20.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm)	1820
21.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
22.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
23.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
24.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
25.	Thu gom rác thải độc hại	3812
26.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
27.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
28.	Xây dựng nhà để ở	4101
29.	Xây dựng nhà không để ở	4102
30.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
31.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
32.	Xây dựng công trình điện	4221
33.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
34.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
35.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
36.	Phá dỡ	4311
37.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
38.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
39.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
40.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
41.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
42.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
43.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
44.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá xe)	4541
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
46.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620

47.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; - Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; - Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; - Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh	4632
48.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
50.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
53.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
54.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
55.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
56.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
57.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
58.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
59.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
60.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

61.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
62.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
63.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
64.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
65.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
66.	Bốc xếp hàng hóa	5224
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Dịch vụ logistics - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa;	5229
69.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
71.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
72.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
73.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Không thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5911
74.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ hoạt động xuất bản âm nhạc)	5920
75.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
76.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
77.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
78.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	6399

79.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất công trình. - Tư vấn quản lý dự án - Tư vấn đấu thầu	7110
80.	Quảng cáo	7310
81.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
82.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
83.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
84.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán)	7490
85.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
86.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
87.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
88.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. (Không bao gồm hoạt động trung tâm môi giới việc làm)	7810
89.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
90.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
91.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230

92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại)	8299
93.	Giáo dục nhà trẻ	8511
94.	Giáo dục mẫu giáo	8512
95.	Đào tạo sơ cấp	8531
96.	Đào tạo trung cấp	8532
97.	Đào tạo cao đẳng	8533
98.	Đào tạo đại học	8541
99.	Đào tạo thạc sỹ	8542
100.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
101.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
102.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng quản lý - Đào tạo kỹ năng nhân sự - Đào tạo kỹ năng làm việc - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
103.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
104.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
105.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ Hoạt động của các sân nhảy)	9329
106.	Trồng cây cao su Chi tiết: Các hoạt động trồng cây cao su, lấy mủ và sơ chế mủ cao su khô	0125
107.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
108.	Đúc sắt, thép	2431
109.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ sản xuất vàng miếng và các loại Nhà nước cấm)	2420
110.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
111.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
112.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật Chi tiết: Sản xuất xe đạp	3092
113.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
114.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

115.	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
116.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
117.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
118.	Sản xuất giày, dép	1520
119.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm nhựa, đồ gia dụng bằng nhựa	2220
120.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ	1629
121.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ các loại Nhà nước cấm)	2011
122.	Sản xuất đồ điện dân dụng Chi tiết: Sản xuất máy lạnh, máy giặt gia dụng.	2750
123.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
124.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
125.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
126.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
127.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
128.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
129.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng.	3290

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG THỊ TRANG	Thôn Đoàn Dững, Xã Thái Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	80,000	031186006209	
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	80,000		

2	ĐỖ VĂN TƯ	Xóm Núi 4, Xã Dương Thành, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	C8658491	
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		
3	VŨ VĂN HÙNG	Thôn Ngọc Khang, Xã Kim Bình, Huyện Chiêm Hoá, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	070678117	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	15,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	15,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ VĂN HÙNG** Giới tính: **Nam**
 Chức danh: **Chủ tịch hội đồng quản trị**
 Sinh ngày: **25/11/1981** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**
 Số giấy chứng thực cá nhân: **070678117**
 Ngày cấp: **09/06/2020** Nơi cấp: **Công an tỉnh Tuyên Quang**
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn Ngọc Khang, Xã Kim Bình, Huyện Chiêm Hoá, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**
 Chỗ ở hiện tại: **Thôn Hải Bối, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội